

Bản án số:464/2023/HNGĐ-ST

Ngày 11/12/2023.

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Oanh

Ông Lương Văn Thoại

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 390/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023, về việc: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2023/QĐXX-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2023/QĐST-HNGĐ ngày 30/11/2023, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị **Đặng Thị D**, sinh năm 1990.

Nơi cư trú: **Thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội.**

Chỗ ở hiện nay: **Thôn T, xã V, huyện G, Hà Nội.**

* **Bị đơn:** Anh **Phan Văn D1**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: **Thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội.**

(Chị **D** có mặt. Anh **D1** vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị **Đặng Thị D** trình bày:

- Về tình cảm: Tôi và anh Phan Văn D1 kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào 05/3/2009 tại UBND xã V, huyện G, thành phố Hà Nội theo quy định của pháp luật. Đây là kết hôn lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống với nhau tại Thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã cố gắng hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt được kết quả gì. Vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay. Điểm khởi đầu là tháng 29/5/2023, do vợ chồng tôi căng thẳng nên tôi đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại tại thôn T, xã V, huyện G, Hà Nội và sinh sống cho đến nay. Hiện tại, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Nay tôi xác định không còn tình cảm với anh D1 nữa và không thể về đoàn tụ chung sống với nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho tôi được ly hôn với anh Phan Văn D1 để sớm ổn định cuộc sống của tôi và con tôi.

- Về con chung: Tôi và anh D1 có 03 con chung là Phan Khánh L, sinh ngày 02/8/2016, Phan Khánh H, sinh ngày 12/8/2016 và Phan Hoàng A, sinh ngày 23/11/2018. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng nuôi con chung là cháu H. Còn anh D1 nuôi cháu L và cháu Hoàng A. Nếu anh D1 không đồng ý thì tôi sẽ nuôi cháu H và cháu L.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu anh D1 cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung: Tôi và anh D1 không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Phan Văn D1 trình bày như sau:

- Về tình cảm: Tôi và cô Đặng Thị D kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/3/2009 tại UBND xã V, huyện G, Hà Nội. Đây là kết hôn lần đầu của tôi.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống với nhau tại thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội cho đến nay.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Tôi cũng thỉnh thoảng rượu

chè và say chửi mắng, xúc phạm vợ con nhưng không phải là thường xuyên say sấn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình cũng như bản thân vợ chồng cố gắng hòa giải, khắc phục nhưng không đạt được kết quả gì. Hiện tại cô **D** đã về nhà mẹ đẻ tại **Thôn T, xã V, huyện G, Hà Nội** từ tháng 5 năm 2023 cho đến nay. Vợ chồng tôi đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm.

Nay tôi xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với cô **D**, mâu thuẫn vợ chồng có thể sửa chữa và khắc phục được. Đề nghị Tòa án hoà giải để vợ chồng tôi về đoàn tụ với nhau nuôi dạy các con còn nhỏ. Nếu trong trường hợp cô **D** cương quyết xin ly hôn và không mong muốn về đoàn tụ với tôi thì tôi cũng không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Phan Khánh L**, sinh ngày 02/8/2016, **Phan Khánh H**, sinh ngày 02/8/2016 và **Phan Hoàng A**, sinh ngày 23/11/2018.

Nếu trong trường hợp phải ly hôn thì tôi có nguyện vọng nuôi cháu **Hoàng A** còn cô **D** nuôi cháu **H**, cháu **L**.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi và cô **D** tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung: Tôi và cô **D** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị **Đặng Thị D** vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn đối với anh **Phan Văn D1**; Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là **Phan Khánh L**, sinh ngày 02/8/2016, **Phan Khánh H**, sinh ngày 02/8/2016 và **Phan Hoàng A**, sinh ngày 23/11/2018. Khi ly hôn, chị **D** có nguyện vọng nuôi con chung là **Phan Khánh L** và **Phan Khánh H** còn cháu **Phan Hoàng A** do anh **D1** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **D** tự thỏa thuận với anh **D1**, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung: Chị **D** xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Anh **D1** triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát **huyện G, thành phố Hà Nội** phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước

thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định của pháp luật và bị đơn không chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 19, 56, 59, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị **Đặng Thị D** vì mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ. Cho chị **Đặng Thị D** được ly hôn anh **Phan Văn D1**.

Về con chung: Giao cho chị **D** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Phan Khánh L**, sinh ngày 02/8/2016, **Phan Khánh H**, sinh ngày 02/8/2016. Giao cho anh **Phan Văn D1** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Phan Hoàng A**, sinh ngày 23/11/2018. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đến khi các con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Các đương sự cùng xác nhận không có và không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Áp dụng án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thẩm quyền:** Căn cứ vào căn cước công dân của các đương sự thể hiện: Anh **Phan Văn D1** có đăng ký nơi thường trú tại **Thôn T, xã V, huyện G, Hà Nội** và hiện nay anh **D1** đang thường xuyên sinh sống tại nơi thường trú. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

[2] **Về thủ tục:** Anh **Phan Văn D1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Như vậy, anh **D1** đã cố tình gây khó khăn cho chị **D** trong quá trình giải quyết ly hôn tại Tòa án. Tòa án đã phải hoãn phiên tòa ngày 30/11/2023, đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh **D1** vẫn vắng mặt

không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh **D1** theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Đặng Thị D** và anh **Phan Văn D1** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào 05/3/2009 tại **UBND xã V, huyện G, thành phố Hà Nội**. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại **thôn T, xã V, huyện G, thành phố Hà Nội**.

Vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã cố gắng hòa giải, khắc phục mâu thuẫn nhưng không đạt được kết quả gì. Anh **D1** cũng thừa nhận thỉnh thoảng rượu chè và say chửi mắng, xúc phạm vợ con nhưng không phải là thường xuyên say sìn. Đỉnh điểm nhất là tháng 29/5/2023, do vợ chồng anh chị căng thẳng nên chị **D** đã chuyển về nhà mẹ đẻ tại **thôn T, xã V, huyện G, Hà Nội** và sinh sống cho đến nay. Hiện tại, mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai, việc ai người đó làm. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm từ tháng 5/2023 cho đến nay, cuộc sống của ai người đó tự lo, anh **D1** cũng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, không quan tâm gì đến cuộc sống của vợ con.

Tháng 5 năm 2023, chị **D** đã làm đơn xin ly hôn gửi ra Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Sau đó, chị **D** đã rút đơn ly hôn về để cho vợ chồng có cơ hội đoàn tụ và Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 344/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/9/2023.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị **D**, anh **D1** đã căng thẳng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin được ly hôn của chị **D** là chính đáng, phù hợp với quy định của Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị **D** và anh **D1** có 03 con chung là **Phan Khánh L**, sinh ngày 02/8/2016, **Phan Khánh H**, sinh ngày 02/8/2016 và **Phan Hoàng A**, sinh ngày 23/11/2018.

Khi ly hôn, chị **D** và anh **D1** thống nhất: Giao cho chị **D** được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là **Phan Khánh L**, sinh ngày 02/8/2016 và **Phan Khánh H**, sinh ngày 02/8/2016. Giao cho anh **Phan Văn D1** trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Phan Hoàng A**, sinh ngày 23/11/2018.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị **D** và anh **Dương t** thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của anh chị cho đến khi các con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Nội dung thỏa thuận này phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

[5] **Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung:** Chị **D** và anh **D1** cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không xem xét.

[6] **Về án phí:** Chị **D** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp của pháp luật.

[8] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và kết quả nghị án của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm 1.1 khoản 1 Mục II Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội .

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Đặng Thị D**. Cho chị **Đặng Thị D**, sinh năm 1990 được ly hôn với anh **Phan Văn D1**, sinh năm 1987.

2. *Về con chung:* Giao con chung là **Phan Khánh L**, sinh ngày 02/8/2016 và **Phan Khánh H**, sinh ngày 02/8/2016 cho chị **Đặng Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng,

giáo dục và Giao con chung là **Phan Hoàng A**, sinh ngày 23/11/2018 cho anh **Phan Văn D1** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của chị **Đặng Thị D** và anh **Phan Văn D1** cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị **D**, anh **D1** có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

4. *Về tài sản chung là động sản, bất động sản và các khoản nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. *Về án phí:* Chị **Đặng Thị D** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị **D** đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0074207 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị **Đặng Thị D** đã nộp đủ tiền án phí.

6. *Về quyền kháng cáo:* Chị **D** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **Phan Văn D1** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Gia Lâm;
- THADS H. Gia Lâm;
- TAND TP Hà Nội;
- UBND xã V,
huyện G, TP Hà Nội;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cồ Khắc Đam